

ĐỀ CHÍNH THỨC 1

I. Trắc nghiệm (7,0 điểm). *Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và ghi vào bài làm.*

Câu 1: Tính năng **Data Validation** trong Excel dùng để:

- A. Xác thực các dữ liệu nhập vào dựa trên các điều kiện cụ thể.
- B. Tự động sắp xếp dữ liệu trong bảng tính.
- C. Tạo biểu đồ dựa trên dữ liệu có sẵn.
- D. Thay đổi định dạng của dữ liệu đã nhập.

Câu 2: Điều kiện nào dưới đây không thể được thiết lập trong **Data Validation**?

- A. Giới hạn số thập phân trong khoảng từ 0 đến 10.
- B. Chỉ cho phép nhập ngày tháng trong một khoảng thời gian.
- C. Chỉ cho phép nhập các kí tự đặc biệt.
- D. Chỉ cho phép nhập dữ liệu từ danh sách.

Câu 3: Khi thiết lập xác thực dữ liệu để nhập từ danh sách, mục **Allow** phải được chọn là:

- A. Whole Number. B. Decimal. C. Date. D. List.

Câu 4: Tính năng **Data Validation** nằm ở dải lệnh:

- A. Home. B. Data. C. Formulas. D. Insert.

Câu 5: Khi nhập giá trị không thỏa mãn điều kiện xác thực, thẻ nào sẽ hiển thị thông báo lỗi?

- A. Settings. B. Input Message. C. Error Alert. D. Home.

Câu 6: Khi nhập dữ liệu vào bảng tính, vì sao nên sử dụng tính năng **Data Validation**?

- A. Để tránh lỗi dữ liệu. B. Để dữ liệu được định dạng đúng cách.
- C. Để tự động hóa việc nhập dữ liệu. D. Để thay đổi công thức tính toán.

Câu 7: Khi thiết lập xác thực dữ liệu cho kiểu số, điều kiện nào có thể áp dụng?

- A. Lớn hơn 0. B. Nhỏ hơn hoặc bằng 10.
- C. Nằm trong khoảng 0 đến 10. D. Cả ba điều kiện trên.

Câu 8: Để giới hạn số kí tự nhập vào ô, tại mục **Allow**, cần chọn:

- A. Text Length. B. Custom. C. Whole Number. D. Decimal.

Câu 9: Quy tắc của hàm IF là gì?

- A. Tính toán giá trị điều kiện, sau đó trả về giá trị đúng hoặc sai.
- B. Trả về giá trị cố định, không liên quan đến điều kiện.
- C. Luôn trả về giá trị văn bản.
- D. Chỉ hoạt động với dữ liệu kiểu số.

Câu 10: Biểu thức điều kiện trong hàm IF có thể bao gồm:

- A. Phép so sánh. B. Địa chỉ ô tính.
- C. Giá trị cụ thể hoặc biểu thức tính toán. D. Tất cả các ý trên.

Câu 11: Công thức $=IF(G3 \geq 27, "Tặng vở", "-")$ trả về kết quả gì nếu $G3 = 25$?

- A. "Tặng vở". B. "-". C. Lỗi #VALUE. D. Không có gì hiển thị.

Câu 12: Hàm AND được sử dụng trong hàm IF khi:

- A. Cần kiểm tra nhiều điều kiện đồng thời. B. Chỉ có một điều kiện cần kiểm tra.
- C. Muốn trả về nhiều giá trị khác nhau. D. Kiểm tra điều kiện bằng văn bản.

Câu 13: Hàm OR được sử dụng trong hàm IF khi:

- A. Một trong các điều kiện cần đúng. B. Tất cả các điều kiện phải đúng.
- C. Không có điều kiện nào đúng. D. Muốn so sánh hai giá trị cụ thể.

Câu 14: Công thức =IF(AND(D3>=8, E3>=8, F3>=8), "Tặng vở", "-") có ý nghĩa gì?

- A. Kiểm tra xem tổng điểm có lớn hơn hoặc bằng 8 hay không.
- B. Kiểm tra từng điểm môn Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh có lớn hơn hoặc bằng 8 hay không.
- C. Ghi "Tặng vở" nếu tổng điểm >= 8.
- D. Sai cú pháp.

Câu 15: Công thức =IF(G3>=24, 10, 0) tại ô K3 sẽ trả về giá trị gì khi G3 = 23?

- A. 10.
- B. 0.
- C. Sai cú pháp.
- D. Không trả về kết quả.

Câu 16: Công thức nào đúng để kiểm tra nếu H3 < 8 thì ghi "Tìm hiểu nguyên nhân", ngược lại ghi "Đạt"?

- A. =IF(H3>8, "Đạt", "Tìm hiểu nguyên nhân").
- B. =IF(H3<8, "Tìm hiểu nguyên nhân", "Đạt").
- C. =IF(H3>=8, "Tìm hiểu nguyên nhân", "Đạt").
- D. =IF(H3<=8, "Đạt", "Tìm hiểu nguyên nhân").

Câu 17: Điều kiện trong hàm IF trả về FALSE khi:

- A. Điều kiện không đúng.
- B. Không có điều kiện nào được thiết lập.
- C. Điều kiện có lỗi cú pháp.
- D. Kết quả không phải số.

Câu 18: Khi sử dụng hai hàm IF lồng nhau, công thức nào sau đây là đúng?

- A. =IF(A1>10, "Lớn", IF(A1>5, "Trung bình")).
- B. =IF(A1>10, "Lớn", IF(A1>5, "Trung bình", "Nhỏ")).
- C. =IF(A1>10, "Lớn", "Trung bình", "Nhỏ").
- D. =IF(A1>10, "Lớn", IF(A1>5, "Trung bình", "Nhỏ")).

Câu 19: Khi sao chép công thức chứa hàm IF lồng nhau xuống các ô khác, bạn cần lưu ý điều gì?

- A. Phải luôn thay đổi tham chiếu tuyệt đối của ô.
- B. Công thức sẽ tự động thay đổi tham chiếu ô khi sao chép.
- C. Công thức sẽ không thay đổi bất kỳ tham chiếu nào.
- D. Bạn phải viết lại công thức cho từng ô.

Câu 20: Khi sao chép công thức chứa hàm IF lồng nhau, bạn cần dùng dấu gì để tham chiếu tuyệt đối một ô trong công thức?

- A. Dấu "&".
- B. Dấu "=".
- C. Dấu "\$".
- D. Dấu "#".

Câu 21: Công thức IF nào trả về kết quả "Giỏi" nếu điểm lớn hơn hoặc bằng 24, "Khá" nếu điểm từ 21 đến dưới 24, và "Yếu" nếu điểm dưới 21?

- A. =IF(G3>=21, "Giỏi", IF(G3>=24, "Khá", "Yếu")).
- B. =IF(G3>24, "Giỏi", IF(G3>21, "Khá", "Yếu")).
- C. =IF(G3>=24, "Giỏi", IF(G3>=21, "Khá", "Yếu")).
- D. =IF(G3>=21, "Khá", "Giỏi", "Yếu").

Câu 22: Công thức nào dưới đây sẽ kiểm tra điều kiện và trả về "Đạt" nếu điểm lớn hơn hoặc bằng 15 và "Không đạt" nếu điểm nhỏ hơn 15?

- A. =IF(G3<15, "Đạt", "Không đạt").
- B. =IF(G3>15, "Đạt", "Không đạt").
- C. =IF(G3<=15, "Đạt", "Không đạt").
- D. =IF(G3>=15, "Đạt", "Không đạt").

Câu 23: Hàm COUNTIF được sử dụng để:

- A. Đếm tất cả các giá trị trong một vùng ô bất kể điều kiện.
- B. Tính tổng các giá trị thỏa mãn điều kiện.
- C. Tính trung bình cộng các giá trị thỏa mãn điều kiện.
- D. Đếm các giá trị trong một vùng ô thỏa mãn điều kiện.

Câu 24: Công thức =COUNTIF(D3:D8, ">=8") trả về kết quả nào?

- A. Số lượng ô trong D3:D8 có giá trị từ 8 trở lên.
- B. Tổng giá trị các ô trong D3:D8 có giá trị từ 8 trở lên.

C. Trung bình cộng các giá trị từ 8 trở lên trong D3:D8.

D. Giá trị lớn nhất trong D3:D8.

Câu 25: Hàm SUMIF dùng để:

A. Tính tổng các giá trị trong một vùng ô bất kể điều kiện.

B. Tính tổng các giá trị trong một vùng ô thỏa mãn điều kiện.

C. Đếm số lượng các ô thỏa mãn điều kiện.

D. Tính trung bình cộng của các giá trị thỏa mãn điều kiện.

Câu 26: Công thức =SUMIF(H3:H8,"Giỏi",D3:D8) sẽ:

A. Đếm số lượng học sinh được xếp loại "Giỏi".

B. Tính tổng điểm của các học sinh được xếp loại "Giỏi".

C. Tính trung bình cộng điểm của các học sinh được xếp loại "Giỏi".

D. Tính tổng tất cả điểm trong D3:D8.

Câu 27: Hàm AVERAGEIF dùng để:

A. Tính tổng các giá trị thỏa mãn điều kiện.

B. Tính trung bình cộng các giá trị thỏa mãn điều kiện.

C. Đếm số lượng các ô thỏa mãn điều kiện.

D. Tính giá trị lớn nhất thỏa mãn điều kiện.

Câu 28: Công thức =AVERAGEIF(D3:D8,">=8") trả về:

A. Số lượng ô trong D3:D8 có giá trị từ 8 trở lên.

B. Tổng các giá trị trong D3:D8 từ 8 trở lên.

C. Trung bình cộng các giá trị từ 8 trở lên trong D3:D8.

D. Giá trị nhỏ nhất từ 8 trở lên trong D3:D8.

II. Tự luận (3,0 điểm)

Câu 29. (2 điểm) Hãy viết cú pháp hàm và nêu ý nghĩa của hàm COUNTIF.

Câu 30. (1 điểm) Em đã ứng dụng bảng tính để quản lý tài chính gia đình như thế nào?

-----Hết-----

**DUYỆT CỦA BHG
P. HIỆU TRƯỞNG**

DUYỆT CỦA TỔ CM

GIÁO VIÊN RA ĐỀ

